

Số: 29 /2014/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 13 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy định quản lý nhà nước
về giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/ 2003;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 80/TTr-STC ngày 23/9/2014 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 176/BC-STC ngày 17/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND ngày 03/11/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *kt*

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh;
- Lru VT, VP3, VP4, VP5./

TH/0110

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Trị
Đinh Quốc Trị

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
(Kèm theo Quyết định số 29 /2014/QĐ-UBND
ngày 13 /10 /2014 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thực hiện bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá, kê khai giá, niêm yết giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bình ổn giá, định giá, hiệp thương giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá, kê khai giá, niêm yết giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chương II

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
2. Điện bán lẻ;
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
4. Phân đạm urê; phân NPK;
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;

9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;
11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

Trường hợp thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sau đây gọi tắt Nghị định số 177/2013/NĐ-CP).

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền như sau:

- a) Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn;
- b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định;
- d) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;
- đ) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế;
- e) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

Điều 6. Trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- a) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức có liên quan trong tỉnh kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền;
- b) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức có liên quan trong tỉnh tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;
- c) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;
- d) Báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành; các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công.

b) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá.

c) Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: Các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.

Điều 7. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá và đối tượng thực hiện đăng ký giá

1. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 8 và Khoản 9 Điều 3 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Công thương và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát Biểu mẫu Đăng ký giá; phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 10 Điều 3 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát Biểu mẫu Đăng ký giá; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

a) Các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực

hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn tỉnh; định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và tổ chức khác có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương.

4. Cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình và trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh Ninh Bình các nội dung về: Danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của các cơ quan được phân công tiếp nhận đăng ký giá.

5. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chưa bệnh thiết yếu quy định tại Khoản 11 Điều 3 Quy định này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

6. Hàng hóa dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 8. Cách thức thực hiện đăng ký giá; quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá; quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký giá

1. Cách thức thực hiện đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sau đây gọi tắt là Thông tư số 56/2014/TT-BTC).

2. Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Chương III

ĐỊNH GIÁ

Điều 9. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

Ủy ban nhân dân tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều a, Khoản 2, Điều 18, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất.

b) Thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan chuyên ngành lập phương án giá quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, cụ thể như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Xây dựng phương án giá các loại đất trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Xây dựng phương án giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

c) Sở Xây dựng: Xây dựng phương án giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng phương án giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

e) Sở Y tế: Xây dựng phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

g) Sở Giao thông Vận tải: Xây dựng phương án mức trợ giá, trợ cước vận chuyên hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyên chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyên; giá cước vận chuyên cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

3. Đối với giá nước sạch sinh hoạt: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp nước sạch sinh hoạt xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính để chủ trì, phối

hợp với Sở Xây dựng (đối với nước sạch dùng cho đô thị), Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với nước sinh hoạt nông thôn) thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương, các loại hàng hóa, dịch vụ khác chưa có trong quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá

1. Sở Tài chính phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ phương án giá theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của Sở Tài chính.

3. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, quyết định giá thì Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 12. Điều chỉnh mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và giá thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thì Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xem xét, điều chỉnh giá những hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trình tự trình, thẩm định và quyết định điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

4. Thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì Ủy ban nhân dân tỉnh phải trả lời cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bằng văn bản.

6. Điều chỉnh giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

Điều 13. Hồ sơ phương án giá

Hồ sơ phương án giá thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Chương IV

HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 14. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hoá, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hoá, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau và hai bên cùng thống nhất đề nghị thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương khi bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 15. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình.

Điều 16. Hồ sơ hiệp thương giá

Hồ sơ hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 17. Trình tự tổ chức hiệp thương giá

1. Trình tự tổ chức hiệp thương giá được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này.

2. Thời hạn Sở Tài chính rà soát sơ bộ Hồ sơ hiệp thương giá là tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nộp hồ sơ hiệp thương giá (tính theo dấu công văn đến).

3. Trường hợp hồ sơ hiệp thương giá không đúng quy định, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho các bên tham gia hiệp thương giá biết để hoàn chỉnh theo quy định.

Đối với trường hợp hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thời hạn để các bên hoàn thiện hồ sơ hiệp thương giá theo quy định tối đa không quá 15 ngày làm việc tính theo dấu bưu điện hoặc dấu công văn đến.

4. Trong thời hạn tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận Hồ sơ

Hiệp thương giá theo quy định (tính theo dấu công văn đến), Sở Tài chính tiến hành hiệp thương giá.

5. Trường hợp bên mua hoặc bên bán hoặc cả bên mua và bên bán đề nghị hiệp thương giá thì bên mua và bên bán có quyền rút lại hồ sơ hiệp thương giá để tự thỏa thuận về mức giá mua, giá bán của hàng hóa, dịch vụ trước khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá và phải báo cáo mức giá đã thỏa thuận và thời gian thực hiện mức giá đó cho Sở Tài chính.

6. Tại Hội nghị hiệp thương giá:

a) Sở Tài chính trình bày mục đích, yêu cầu, nội dung hiệp thương giá; yêu cầu bên mua, bên bán trình bày hồ sơ, phương án hiệp thương giá; đồng thời, lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trực tiếp tham gia hiệp thương giá;

b) Sở Tài chính kết luận và ghi biên bản (có chữ ký của Sở Tài chính, đại diện bên mua, đại diện bên bán), sau đó có văn bản thông báo kết quả hiệp thương giá để hai bên mua và bán thực hiện.

7. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì Sở Tài chính quyết định giá tạm thời để hai bên thực hiện.

Quyết định giá tạm thời do Sở Tài chính công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện.

Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

Chương V

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 18. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Giá ngày 20/6/2012.

Điều 19. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quy định này; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 9 Quy

định này và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Trình tự, thời hạn kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Trình tự kiểm tra yếu tố hình thành giá

a) Sở Tài chính có văn bản yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá và gửi đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm tra các yếu tố hình thành giá;

b) Sở Tài chính có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá;

c) Tiến hành kiểm tra yếu tố hình thành giá;

d) Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá.

2. Thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá

a) Thời hạn một lần kiểm tra tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài chính ra quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm tra thì Sở Tài chính phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra; thời hạn kiểm tra kéo dài không quá 15 ngày làm việc;

b) Trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra các yếu tố hình thành giá, Sở Tài chính có trách nhiệm ban hành kết luận kiểm tra và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

3. Các tài liệu phục vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 21. Các biện pháp xử lý vi phạm

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

2. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 22. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá.

2. Xi măng, thép xây dựng.

3. Than.
4. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
5. Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước.
6. Sách giáo khoa.
7. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.
8. Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi.
9. Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.
10. Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
11. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá ngoài danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 cho từng thời kỳ.

Điều 23. Cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá và đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá
 - a) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại Khoản 1 Điều 22 Quy định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 7 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá.
 - b) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 Điều 22 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Công thương và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá; phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết.
 - c) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại Khoản 4 Điều 22 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết.
 - d) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại Khoản 8 Điều 22 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá; phối hợp với Sở

Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết.

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại Khoản 9 Điều 22 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá, phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá bao gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh; định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan khác có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương.

4. Cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình và trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình các nội dung về: Danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá.

5. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

6. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 24. Cách thức thực hiện kê khai giá

Cách thức thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 25. Quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá, quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá

1. Quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 26. Địa điểm, cách thức thực hiện niêm yết giá

1. Địa điểm niêm yết giá thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

2. Cách thức niêm yết giá thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

**Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 27. Tổ chức triển khai thực hiện


1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các tổ chức khác có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 28. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định này sẽ được khen thưởng theo chế độ hiện hành, nếu có hành vi vi phạm quy định quản lý nhà nước về giá quy định tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, các tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Trị